TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09 /2025/DS-PT Ngày: 03/ 01/2025 *V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Ông **Nguyễn Thanh Triều**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Võ Tấn Dũ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 577/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp:" *Hợp đồng vay tài sản* ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 259/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 681/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số A P, P, TP M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1972. (có mặt).

Địa chỉ: số B ấp H, xã M, TP M, tỉnh Tiền Giang.

***2. Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Q sinh năm 1976.

Địa chỉ: số A P, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1979. (có mặt).

Địa chỉ: Số B H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Mỹ D sinh năm 1972. Địa chỉ: số A P, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Tấn T1 sinh năm 1977. Địa chỉ: A P, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngày 30/12/2022 ông Nguyễn Văn H có cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q vay số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%, thời hạn 06 tháng, có biên nhận nợ do bà Q ký tên. Tuy nhiên từ khi nhận tiền cho đến nay, bà Q không trả vốn và lãi theo thỏa thuận mà cố tình né tránh.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vốn gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1.66%/tháng, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 28/9/2024 là 156.870.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông H yêu cầu bà Q phải trả 606.870.000đồng.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày*:**

Trước đây bà có vay ông Nguyễn Văn H số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất khi vay là 5%/tháng. Bà có trả lãi cho ông H, đến tháng 7/2023 do còn nợ nhiều người khác nên bà tạm thời lánh mặt. Ông H đến nhà và yêu cầu chồng bà là ông Nguyễn Tấn T1 phải trả tiền vay.Tổng số tiền ông H yêu cầu ông T1 phải trả cả vốn và lãi là 600.000.000 đồng. Do không có tiền trả nên ông Nguyễn Tấn T1 đồng ý trả nợ, bằng cách bán xe ô tô tải hiệu Fuso, biển kiểm soát 63C-144.20 cho ông H với giá 600.000.000 đồng, ông H không phải trả tiền cho ông T1 mà để cấn trừ số tiền nợ bà Q vay của ông H. Đồng thời, vợ ông H là bà Trần Mỹ D có làm giấy xác nhận là bà D có nhận 600.000.000 đồng tiền bán xe ô tô tải của ông T1 và bà Q không còn thiếu nợ tiền vợ chồng ông H nữa.

Do vậy, số tiền bà Q vay của ông H đã được thanh toán xong, bà Q không còn nợ 450.000.000đồng của ông H nữa nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông*** Nguyễn Tấn T1 ***trình bày:***

Trước đây vợ ông là Nguyễn Thị Ngọc Q có vay ông H số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Đến tháng 7/2023 do bà Q còn nợ nhiều người khác nên tạm thời lánh mặt. Ông H đến nhà và yêu cầu ông phải trả tiền do vợ ông vay. Tổng số tiền ông H yêu cầu ông phải trả vốn và lãi là 600.000.000 đồng, ông đồng ý trả nợ nhưng không có tiền nên ông thỏa thuận với ông H, bằng cách ông bán xe ô tô tải hiệu Fuso, biển kiểm soát 63C-144.20 cho ông H với giá 600.000.000 đồng để cấn trừ tiền nợ của chị Q đã vay của ông H. Đồng thời vợ

ông H là bà Trần Mỹ D có làm giấy xác nhận là bà D có nhận 600.000.000 đồng tiền bán xe ô tô tải của ông và bà Q không còn thiếu nợ tiền vợ chồng ông H nữa.

*** Tại bản khai của bà** Trần Mỹ D **và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của bà** D **trình bày:**

Trước đây không nhớ thời gian, bà Q có vay mượn của bà D nhiều lần số tiền 600.000.000 đồng. Đến ngày 05/7/2023, ông T1 là chồng bà Q thỏa thuận bán cho ông H chiếc xe ô tô tải hiệu Fuso, biển kiểm soát 63C-144.20 do ông T1 đứng tên để cấn trừ tiền nợ 600.000.000 đồng mà bà Q nợ của bà D. Bà D có viết xác nhận "chị Q không còn thiếu tiền của tôi nữa" và bà D đã giao trả các biên nhận bản chính cho bà Q đối với số tiền nợ 600.000.000 đồng.

Số tiền 600.000.000 đồng bà Q nợ bà D không liên quan gì đến số tiền 450.000.000 mà bà Q nợ ông H.

Bản án sơ thẩm số 259/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 531.921.000 đồng (Năm trăm ba mươi mốt triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Q trả số tiền lãi 74.949.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 01/10/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc Q kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án DSST theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án DSST.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án DSST theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 531.921.000 đồng là không có căn cứ, vi phạm nghiêm trọng pháp luật được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 466 Bộ luật Dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q. Do vậy, kháng cáo của bà Q là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản " là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền vốn và lãi là 531.921.000 đồng, xét thấy:

Xét các bên đương sự đều thừa nhận: Ngày 30/12/2022 ông Nguyễn Văn H có cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng,

có biên nhận nợ do bà Q ký tên; Ngày 05/7/2023, ông Nguyễn Tấn T1 là chồng bà Q thỏa thuận bán cho ông Nguyễn Văn H chiếc xe ô tô tải hiệu Fuso, biển kiểm soát 63C-144.20 do ông T1 đứng tên; ông T1 đã giao xe cho ông H quản lý, sử dụng từ ngày 05/7/2023; ông H không phải giao số tiền 600.000.000đồng cho ông T1 mà để trừ vào khoản tiền nợ vay vợ ông T1 là bà Q còn nợ chưa thanh toán. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tình tiết trên là đúng sự thật.

Xét giấy mượn tiền ngày 30/12/2022, hai bên thừa nhận thì giữa bà Q và ông H có giao kết hợp đồng vay tiền, với số tiền 450.000.000 đồng, thời gian vay là 06 tháng, hai bên có thỏa lãi suất riêng nhưng không thống nhất, ông H cho rằng lãi suất là 2%/ tháng, bà Q xác định là thỏa thuận lãi suất vay là 5%/ tháng. Xét thấy, hai bên xác lập hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, có lãi. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ngày 30/6/2023, bà Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Xét ngày 05/7/2023, ông T1 bán xe ô tô cho ông H với giá 600.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự, giao dịch mua bán xe giữa ông T1 và ông H phát sinh hiệu lực. Ông T1 đã giao xe cho H thì ông H phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông T1. Tuy nhiên, ông H không giao tiền cho ông T1, mà để cấn trừ nợ của vợ chồng bà Q, ông T1 nợ ông H là có căn cứ.

Xét lời khai của ông H và bà D cho rằng việc cấn trừ toàn bộ số tiền 600.000.000đồng mua xe của ông T1 là cấn trừ vào khoản tiền bà Q vay của bà D trước đây. Xét thấy, nghĩa vụ chứng minh về khoản vay khác của bà D với bà Q là nghĩa vụ của bà D nhưng bà D không có chứng cứ gì chứng minh bà Q có vay bà số tiền 600.000.000 đồng; bà D, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ngoài khoản tiền 450.000.000đồng bà Q vay của ông H ngày 30/12/2022, bà Q còn giao dịch vay số tiền nào khác của bà D; đồng thời phía bà Q, ông T1 cũng không thừa nhận, cho rằng không còn nợ ông H, bà D bất kỳ khoản tiền nào khác. Do vậy, ý kiến của bà D, ông H là không có căn cứ chấp nhận. Trường hợp bà D có căn cứ chứng minh được bà Q có giao dịch vay tiền của bà chưa thanh toán thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chứng minh rằng thông qua đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Q và ông H, chính ông H trả lời với bà Q là đâu có nói bà Q còn khoản nợ 400.000.000đồng. Xét thấy nội dung thể hiện ông H xác định, bà Q chỉ nợ ông H 600.000.000 đồng (vốn và lãi), không có khoản nợ nào khác; số tiền ông T1 bán xe cho ông H tương ứng với số tiền bà Q vay của ông H và tiền lãi, nên cấn trừ số tiền bà Q nợ ông H là phù hợp. Do vậy, bị đơn cho rằng số tiền ông T1 bán xe cho ông H 600.000.000đồng để cấn trừ số tiền vốn vay và lãi bà Q nợ ông H theo biên nhận ngày 30/12/2022 là có căn cứ nên xem như bà Q đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho H 450.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 05/7/2023.

Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ lời khai của bà D, ông H và giấy xác nhận của hết nợ của bà D, xác định số tiền 600.000.000 đồng ông H mua xe của ông T1 là

cấn trừ khoản nợ riêng giữa bà D với bà Q, không liên quan đến khoản nợ của ông H. Từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là không phù hợp.

Đối với số tiền lãi bị đơn đã tự nguyện cộng vào vốn gốc và cấn trừ tiền mua bán xe, không có tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Bà Nguyễn Thị Ngọc Q yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Q.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử sửa bản án DSST nên bà Q không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 259/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vốn và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 606.870.000đồng (trong đó vốn gốc là 450.000.000 đồng).

2.Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 28.274.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.241.000 đồng theo biên lai số 0005910 ngày 03/4/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố M nên ông H còn phải nộp thêm số tiền 15.033.000 đồng án phí DSST.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H1 lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006644 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp. M;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhàn